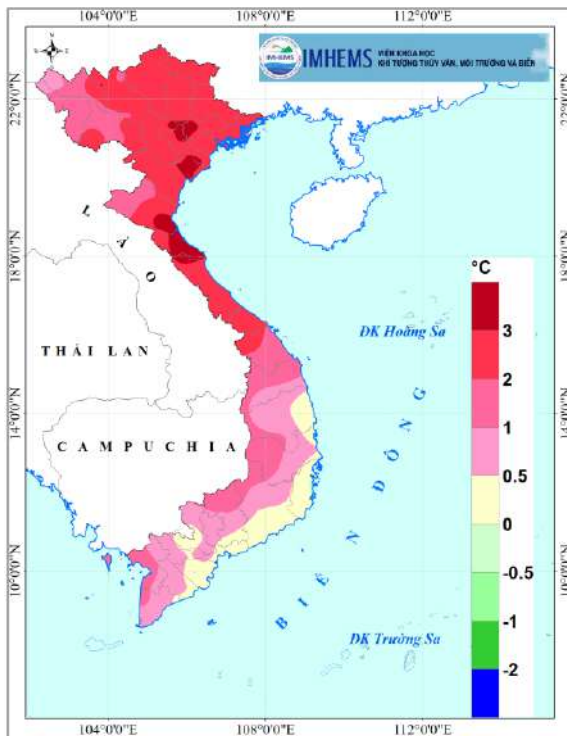
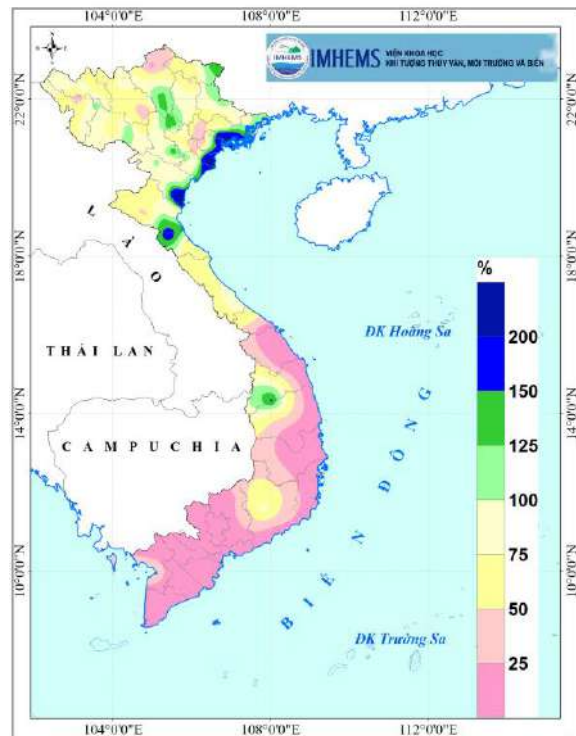


THÔNG BÁO VÀ DỰ BÁO KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 6, 7, 8 NĂM 2026



(a)



(b)

Chuẩn sai nhiệt độ (a) và tỷ chuẩn lượng mưa (b) tháng 4/2026

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KHÍ TƯỢNG VÀ KHÍ HẬU
CENTER FOR METEOROLOGY AND CLIMATE RESEARCH

Hà Nội, tháng 5 – 2026

MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	2
DANH MỤC HÌNH VẼ	4
PHẦN I: DIỄN BIẾN KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 2, 3, 4 NĂM 2026	5
1.1. Diễn biến ENSO	5
1.2. Diễn biến khí hậu Việt Nam	5
1.2.1. Nhiệt độ	5
1.2.2. Lượng mưa	7
1.2.3. Tổng số giờ nắng, tổng lượng bốc hơi và chỉ số ẩm	8
1.2.4. Hiện tượng thời tiết nguy hiểm	10
PHẦN II: DỰ BÁO KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 6, 7, 8 NĂM 2026	12
2.1. Dự báo xu thế ENSO và khí hậu khu vực châu Á	12
2.1.1. Dự báo xu thế ENSO	12
2.1.2. Dự báo khí hậu khu vực châu Á	12
2.2. Dự báo khí hậu cho Việt Nam	13
2.2.1. Dự báo nhiệt độ	13
2.2.2. Dự báo lượng mưa	14
2.2.3. Nhận định thời tiết nguy hiểm và khí hậu cực đoan	16
PHẦN III: NHẬN ĐỊNH KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 6, 7, 8 NĂM 2026	17
PHỤ LỤC	18

Thông báo và Dự báo khí hậu do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng và Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển, Bộ Nông nghiệp và Môi trường biên tập và xuất bản hàng tháng.

Nội dung của “Thông báo và Dự báo khí hậu” được đăng tải trên Internet theo địa chỉ: <http://www.imh.ac.vn>.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển, Số 23/62, Đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng, TP. Hà Nội.

Điện thoại: +84 24 - 37 731 410 / +84 24 - 37 756 613

Email: vt_vkttv_khdt@mae.gov.vn.

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Ý nghĩa
1	A	Chỉ số ẩm (tỷ số giữa lượng mưa và lượng bốc hơi)
2	ATNĐ	Áp thấp nhiệt đới
3	BOM	Cơ quan Khí tượng Úc (Bureau of Meteorology)
4	CPC	Trung tâm Dự báo Khí hậu Hoa Kỳ (Climate Prediction Center)
5	CS	Chuẩn sai
6	ECMWF	Trung tâm Dự báo Thời tiết Hạn vừa châu Âu (European Centre for Medium-Range Weather Forecasts)
7	GMMĐ	Gió mùa mùa đông
8	IRI	Viện Nghiên cứu Quốc tế về Xã hội và Khí hậu, Trường Khí hậu Columbia, Đại học Columbia, Mỹ (International Research Institute for Climate and Society, The Columbia Climate School, Columbia University)
9	JMA	Cơ quan Khí tượng Nhật Bản (Japan Meteorological Agency)
10	KKL	Không khí lạnh
11	KTTV	Khí tượng thủy văn
12	LMNLN	Lượng mưa ngày lớn nhất
13	Met Office	Cơ quan Khí tượng Vương quốc Anh
14	Météo-France	Cơ quan Khí tượng quốc gia Pháp
15	NCEP	Trung tâm dự báo môi trường quốc gia Hoa Kỳ (National Centers for Environmental Prediction)
16	NĐTB	Nhiệt độ trung bình
17	NĐTCTB	Nhiệt độ tối cao trung bình
18	NĐTCTĐ	Nhiệt độ tối cao tuyệt đối
19	NĐTTTB	Nhiệt độ tối thấp trung bình
20	NĐTTTĐ	Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối
21	SNM	Số ngày mưa
22	SOI	Chỉ số dao động Nam (Southern Oscillation Index)
23	SST	Nhiệt độ mặt nước biển (Sea Surface Temperature)
24	SSTA	Chuẩn sai nhiệt độ mặt nước biển (Surface Temperature Anomaly)
25	TBD	Thái Bình Dương
26	TBNN	Trung bình nhiều năm

STT	Chữ viết tắt	Ý nghĩa
27	TC	Tỷ chuẩn (tỷ lệ phần trăm giữa lượng mưa quan trắc với lượng mưa trung bình nhiều năm cùng thời kỳ)
28	TLBH	Tổng lượng bốc hơi
29	TLM	Tổng lượng mưa
30	TSGN	Tổng số giờ nắng
31	XĐ	Xích đạo
32	XTNĐ	Xoáy thuận nhiệt đới

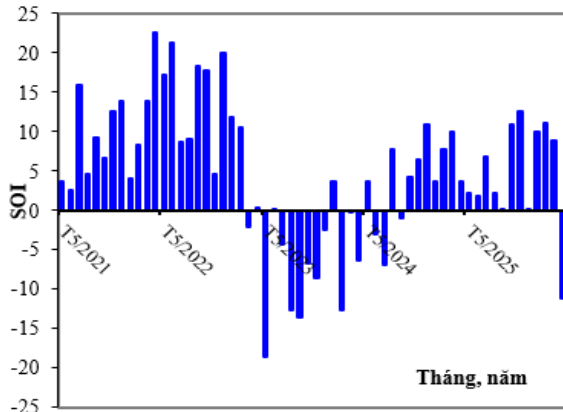
DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1.1. Diễn biến chỉ số SOI (5/2021 - 4/2026)	5
Hình 1.2. Diễn biến chỉ số SSTA (°C) tại khu vực NINO3.4 (5/2021 - 4/2026)	5
Hình 1.3. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ trung bình mùa 3 tháng 2-4 năm 2026 (°C).....	6
Hình 1.4. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ trung bình tháng 4/2026 (°C).....	6
Hình 1.5. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối cao trung bình mùa 3 tháng 2-4 năm 2026 (°C).....	6
Hình 1.6. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối cao trung bình tháng 4/2026 (°C).....	6
Hình 1.7. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối thấp trung bình mùa 3 tháng 2-4 năm 2026 (°C).....	6
Hình 1.8. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối thấp trung bình tháng 4/2026 (°C).....	6
Hình 1.9. Phân bố tổng lượng mưa mùa 3 tháng 2-4 năm 2026 (mm).....	7
Hình 1.10. Phân bố tỷ chuẩn lượng mưa mùa 3 tháng 2-4 năm 2026 (%).....	7
Hình 1.11. Phân bố lượng mưa tháng 4/2026 (mm).....	8
Hình 1.12. Phân bố tỷ chuẩn lượng mưa tháng 4/2026 (%).....	8
Hình 1.13. Phân bố chuẩn sai số ngày mưa mùa 3 tháng 2-4 năm 2026 (ngày)	8
Hình 1.14. Phân bố chuẩn sai số ngày mưa tháng 4/2026 (ngày)	8
Hình 1.15. Phân bố tổng số giờ nắng mùa 3 tháng 2-4 năm 2026 (giờ)	9
Hình 1.16. Phân bố tổng số giờ nắng tháng 4/2026 (giờ)	9
Hình 1.17. Phân bố tổng lượng bốc hơi mùa 3 tháng 2-4 năm 2026 (mm).....	9
Hình 1.18. Phân bố tổng lượng bốc hơi tháng 4/2026 (mm).....	9
Hình 1.19. Phân bố chỉ số ẩm mùa 3 tháng 2-4 năm 2026.....	9
Hình 1.20. Phân bố chỉ số ẩm tháng 4/2026.....	9
Hình 2.1. Dự báo SSTA mùa 3 tháng 6-8 năm 2026	13
Hình 2.2. Dự báo SSTA tại khu vực NINO3.4 mùa 3 tháng 6-8 năm 2026	13
Hình 2.3. Dự báo xác suất nhiệt độ mùa 3 tháng 6-8 năm 2026 cho khu vực châu Á.....	13
Hình 2.4. Dự báo chuẩn sai nhiệt độ mùa 3 tháng 6-8 năm 2026	13
Hình 2.5. Dự báo xác suất lượng mưa mùa 3 tháng 6-8 năm 2026 cho khu vực châu Á.....	13
Hình 2.6. Dự báo chuẩn sai lượng mưa mùa 3 tháng 6-8 năm 2026.....	13
Hình 2.7. Dự báo xác suất (a,b,c) và chuẩn sai (d) nhiệt độ mùa 3 tháng 6-8 năm 2026.....	15
Hình 2.8. Dự báo xác suất (a, b, c) và chuẩn sai (d) lượng mưa mùa 3 tháng 6-8 năm 2026	15

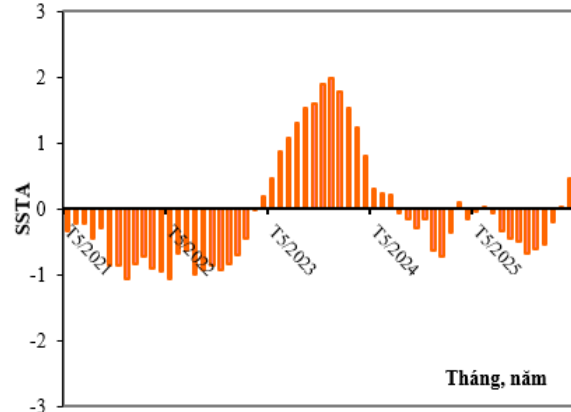
PHẦN I: DIỄN BIẾN KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 2, 3, 4 NĂM 2026

1.1. Diễn biến ENSO

Bản tin của Trung tâm Dự báo Khí hậu Hoa Kỳ (CPC) ngày 14/5/2026: Trong tháng 4/2026, **trạng thái khí quyển - đại dương phản ánh điều kiện ENSO trung tính**. Trên khu vực xích đạo Thái Bình Dương, trong 3 tháng qua, chỉ số dao động Nam (SOI) là 11; 8,9 và -11,2 (Hình 1.1). Tại khu vực NINO3.4, SSTA có giá trị lần lượt là -0,2°C; 0,03°C và 0,47°C (Hình 1.2).



Hình 1.1. Diễn biến chỉ số SOI (5/2021 - 4/2026)
(Nguồn: www.bom.gov.au)



Hình 1.2. Diễn biến chỉ số SSTA (°C) tại khu vực NINO3.4 (5/2021 - 4/2026)
(Nguồn: <http://www.cpc.ncep.noaa.gov>)

1.2. Diễn biến khí hậu Việt Nam

1.2.1. Nhiệt độ

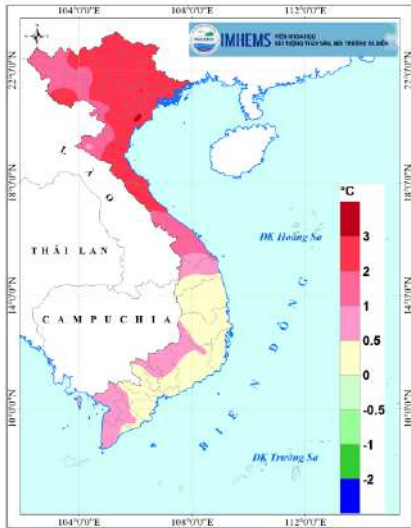
NĐTB mùa 3 tháng 2-4 năm 2026 từ 16,6 đến 29,1°C, cao hơn TBNN từ 0,1 đến 3°C trên toàn lãnh thổ (Hình 1.3). NĐTB tháng 4/2026 từ 19,7 đến 30,3°C, cao hơn TBNN từ 0,1 đến 3,5°C trên hầu hết diện tích cả nước (Hình 1.44).

Nhiệt độ tối cao trung bình (NĐTCTB) mùa 3 tháng 2-4 năm 2026 dao động từ 19,8 đến 34,9°C; cao hơn TBNN từ 0,1 đến 3,5°C trên đại bộ phận diện tích lãnh thổ, thấp hơn TBNN khoảng 0,1 đến 0,5°C ở một phần diện tích Nam Bộ (Hình 1.55). NĐTCTB tháng 4/2026 trong khoảng từ 24 đến 36,9°C, cao hơn TBNN chủ yếu từ 0,1 đến 4,5°C trên hầu hết cả nước (Hình 1.6).

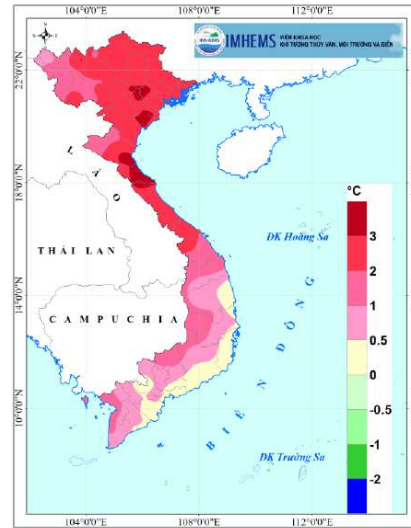
Nhiệt độ tối cao tuyệt đối (NĐTCTĐ) mùa 3 tháng 2-4 năm 2026 và trong tháng 4/2026 phổ biến từ 29 đến 41,5°C. Giá trị lớn nhất quan trắc được trong tháng 4/2026 là 41,9°C tại trạm Tây Hiếu vào ngày 7.

Nhiệt độ tối thấp trung bình (NĐTTTB) mùa 3 tháng 2-4 năm 2026 từ 13,5 đến 26,5°C, cao hơn TBNN chủ yếu từ 0,1 đến 3°C trên hầu hết diện tích nước ta (Hình 1.7). NĐTTTB tháng 4/2026 từ 14,8 đến 27,7°C; cao hơn TBNN phổ biến từ 0,1 đến 3°C ở đại bộ phận diện tích lãnh thổ; thấp hơn TBNN từ 0,1 đến 0,5°C ở một phần nhỏ diện tích các khu vực Nam Trung Bộ và Nam Bộ (Hình 1.8).

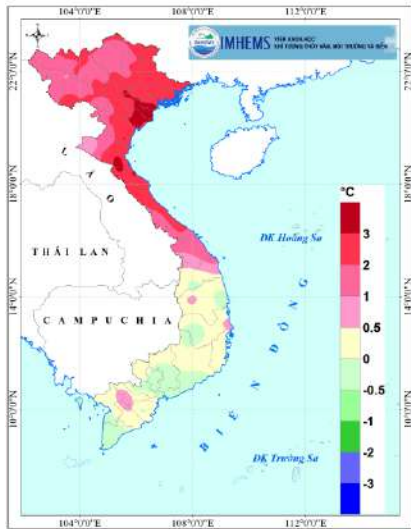
Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối (NĐTTTĐ) mùa 3 tháng 2-4 năm 2026 phổ biến từ 8 đến 23°C và trong tháng 4/2026 chủ yếu từ 14 đến 25°C. Giá trị thấp nhất trong tháng 4/2026 là 8,8°C quan trắc được tại trạm Đà Lạt vào ngày 3.



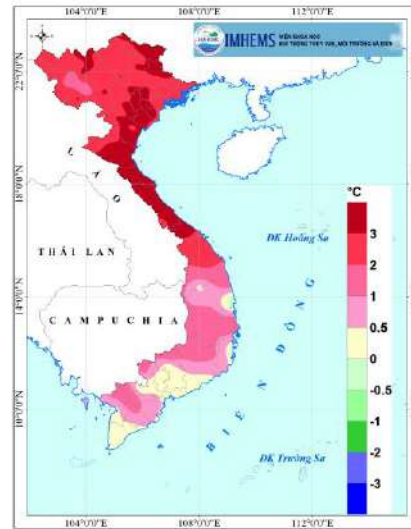
Hình 1.3. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ trung bình mùa 3 tháng 2-4 năm 2026 (°C)



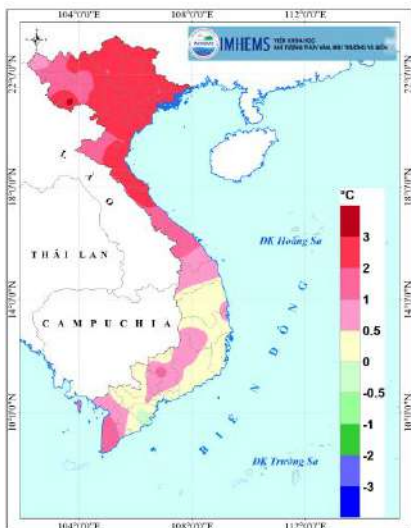
Hình 1.4. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ trung bình tháng 4/2026 (°C)



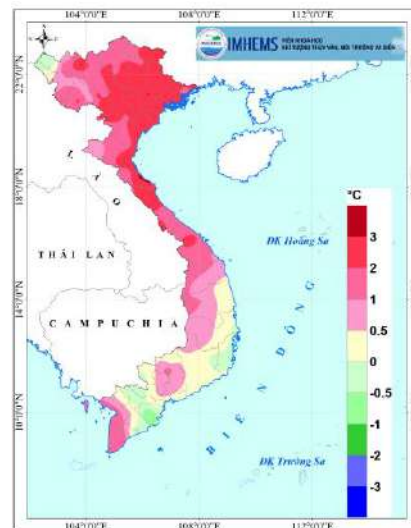
Hình 1.5. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối cao trung bình mùa 3 tháng 2-4 năm 2026 (°C)



Hình 1.6. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối cao trung bình tháng 4/2026 (°C)



Hình 1.7. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối thấp trung bình mùa 3 tháng 2-4 năm 2026 (°C)



Hình 1.8. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối thấp trung bình tháng 4/2026 (°C)

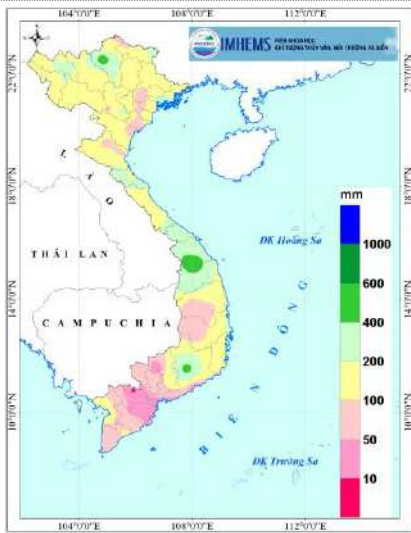
1.2.2. Lượng mưa

Trong mùa 3 tháng 2-4 năm 2026, tổng lượng mưa (TLM) trên đại bộ phận diện tích nước ta từ 100 đến 400 mm; khu vực Nam Bộ có TLM dưới 100 mm (Hình 1.9). Lượng mưa thấp hơn TBNN ở phần lớn lãnh thổ, với tỷ chuẩn chủ yếu từ 50 đến dưới 100%; lượng mưa cao hơn TBNN trên khu vực từ TP. Huế đến Quảng Ngãi, với tỷ chuẩn phổ biến từ 100 đến 180% (Hình 1.10).

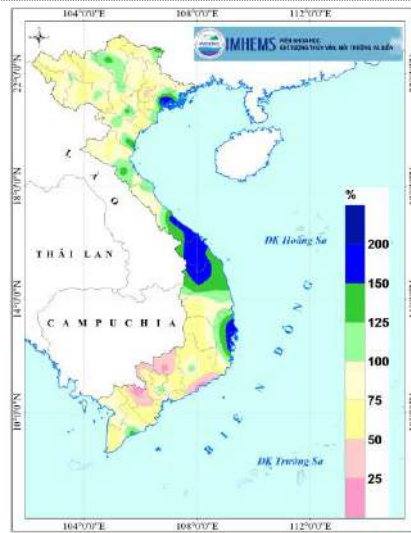
Trong tháng 4/2026, trên hầu hết diện tích nước ta có TLM dưới 100 mm, trong đó phần lớn Nam Bộ và một phần dải ven biển Nam Trung Bộ cả tháng không có mưa (Hình 1.11). Lượng mưa thấp hơn TBNN trên hầu khắp lãnh thổ, trong đó, phía Nam lãnh thổ có tỷ chuẩn phổ biến dưới 50% (Hình 1.12).

Lượng mưa ngày lớn nhất (LMNLN) trong mùa 3 tháng 2-4 năm 2026 phổ biến từ 15 đến 100 mm và trong tháng 4/2026 phổ biến từ 1 đến 100 mm. Giá trị lớn nhất của LMNLN tháng 4/2026 là 130 mm quan trắc được tại trạm Tĩnh Gia vào ngày 18.

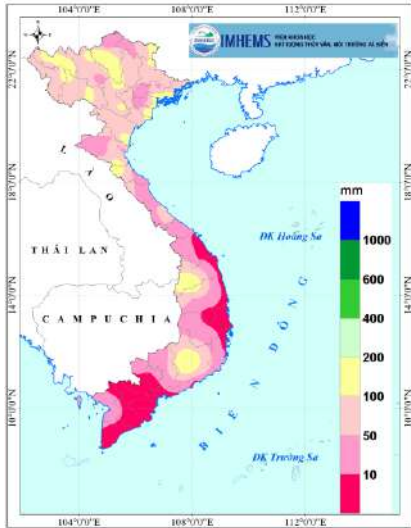
Số ngày mưa (SNM) trong mùa 3 tháng 2-4 năm 2026 thấp hơn TBNN từ 1 đến 20 ngày trên đại bộ phận diện tích cả nước, trong đó khu vực Đông Bắc Bộ có hụt chuẩn nhiều nhất (Hình 1.13). Trong tháng 4/2026, SNM thấp hơn TBNN từ 1 đến 10 ngày trên hầu hết lãnh thổ (Hình 1.14).



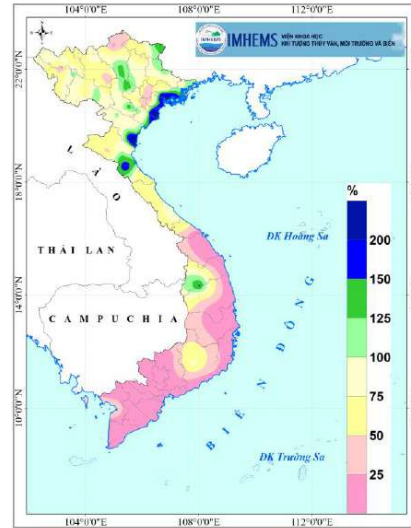
Hình 1.9. Phân bố tổng lượng mưa mùa 3 tháng 2-4 năm 2026 (mm)



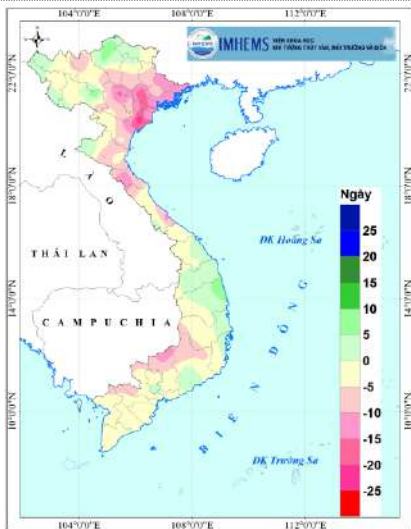
Hình 1.10. Phân bố tỷ chuẩn lượng mưa mùa 3 tháng 2-4 năm 2026 (%)



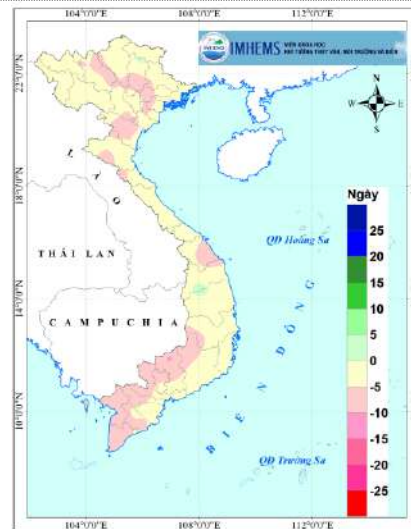
Hình 1.11. Phân bố lượng mưa tháng 4/2026 (mm)



Hình 1.12. Phân bố tỷ chuẩn lượng mưa tháng 4/2026 (%)



Hình 1.13. Phân bố chuẩn sai số ngày mưa mùa 3 tháng 2-4 năm 2026 (ngày)



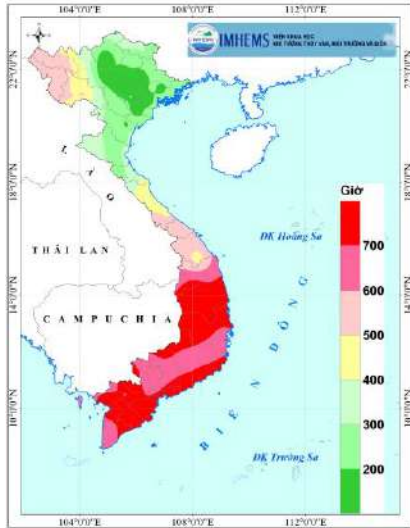
Hình 1.14. Phân bố chuẩn sai số ngày mưa tháng 4/2026 (ngày)

1.2.3. Tổng số giờ nắng, tổng lượng bốc hơi và chỉ số ẩm

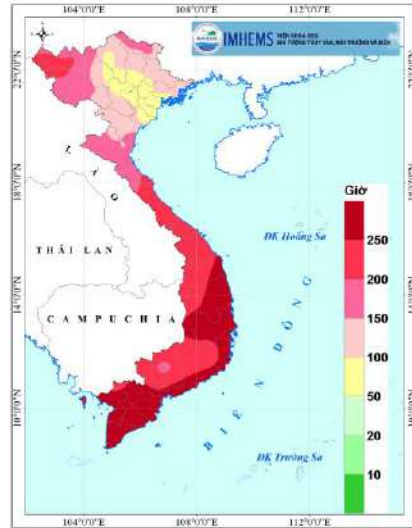
Tổng số giờ nắng (TSGN) mùa 3 tháng 2-4 năm 2026 ở phía Bắc chủ yếu từ 150 đến 500 giờ; ở phía Nam từ 500 đến 800 giờ. Trong tháng 4/2026, TSGN ở nước ta phổ biến 80 đến 300 giờ, trong đó cao nhất ở ven biển Nam Trung Bộ, Nam Bộ; thấp nhất ở Đông Bắc Bộ (Hình 1.15 và Hình 1.16).

Tổng lượng bốc hơi (TLBH) mùa 3 tháng 2-4 năm 2026 ở phía Bắc chủ yếu từ 130 đến 250 mm; ở phía Nam từ 250 đến 400 mm. Trong tháng 4/2026, TLBH trên phần lớn nước ta dao động từ 90 đến 150 mm; khu vực Đông Bắc Bộ có TLBH từ 50 đến 90 mm (Hình 1.17 và Hình 1.18).

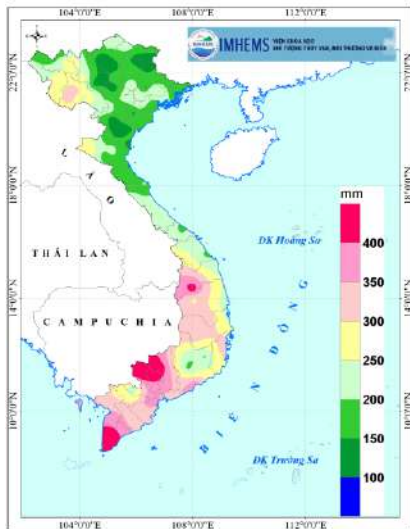
Chỉ số ẩm (A) trong 3 tháng 2-4 năm 2026 và tháng 4/2026 có giá trị nhỏ hơn 1 (thiếu hụt ẩm) trên phần lớn diện tích cả nước (Hình 1.19, Hình 1.20).



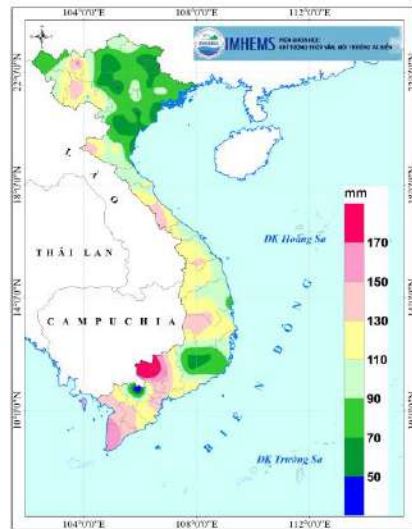
Hình 1.15. Phân bố tổng số giờ nắng mùa 3 tháng 2-4 năm 2026 (giờ)



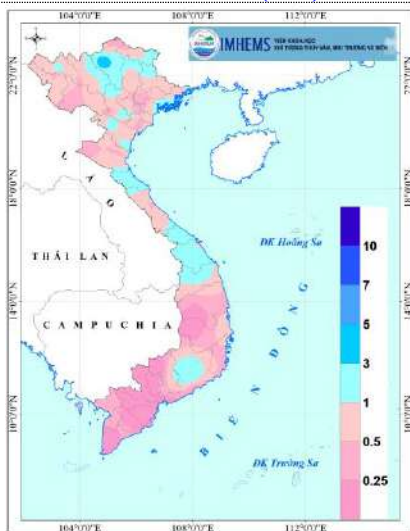
Hình 1.16. Phân bố tổng số giờ nắng tháng 4/2026 (giờ)



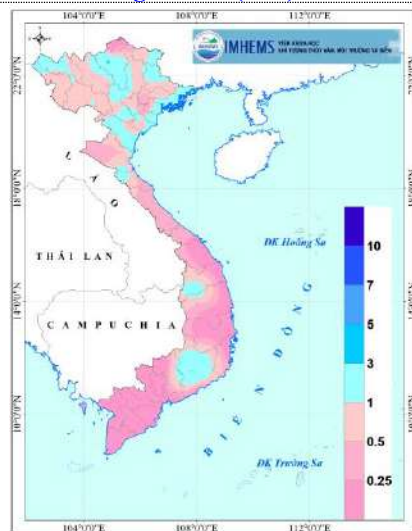
Hình 1.17. Phân bố tổng lượng bốc hơi mùa 3 tháng 2-4 năm 2026 (mm)



Hình 1.18. Phân bố tổng lượng bốc hơi tháng 4/2026 (mm)



Hình 1.19. Phân bố chỉ số ẩm mùa 3 tháng 2026



Hình 1.20. Phân bố chỉ số ẩm tháng 4/2026

1.2.4. Hiện tượng thời tiết nguy hiểm

Không khí lạnh (KKL): Trong 3 tháng qua có 6 đợt KKL, trong đó tháng 2 và tháng 3/2026 có 4 đợt (1 đợt gây rét đậm, rét hại), tháng 4/2026 có 2 đợt. Các đợt KKL trong tháng 4 bắt đầu ảnh hưởng đến nước ta từ ngày 23 và 28/4, chủ yếu làm giảm nhiệt, gây mưa rào và dông ở một số nơi thuộc Bắc Bộ, Thanh Hoá đến Huế.

Mưa lớn: Có 1 đợt mưa lớn xảy ra trong tháng 3/2026. Tháng 4/2026, mưa lớn chỉ xảy ra cục bộ ở một số nơi thuộc Bắc Bộ đến Hà Tĩnh, tập trung chủ yếu vào các ngày 17-20/4, 23-24/4 và 26-27/4, do ảnh hưởng của KKL nén rãnh thấp, lượng mưa ngày phổ biến 50-70mm, có nơi trên 100mm.

Nắng nóng: Trong mùa 3 tháng qua, có 5 đợt nắng nóng diện rộng xảy ra, trong đó, tháng 2, tháng 3 có 3 đợt, tháng 4 có 2 đợt. Đợt nắng nóng ngày 3-16/4 xảy ra ở Tây Bắc Bộ (nhiệt độ tối cao phổ biến từ 36-39°C, có nơi trên 40°C), khu vực từ Nghệ An đến phía đông Quảng Ngãi (nhiệt độ tối cao phổ biến từ 36-40°C, có nơi trên 41°C), cao nguyên Trung Bộ (nhiệt độ tối cao phổ biến từ 35-37°C); ngày 6-12/4 ở Đông Bắc Bộ đến Thanh Hoá, nhiệt độ tối cao phổ biến 35.5-37.5°C. Riêng khu vực Nam Bộ, nắng nóng kéo dài từ cuối tháng 3 đến hết tháng 4 ở Đông Nam Bộ, nhiệt độ tối cao phổ biến 35-37°C; từ ngày 5-19/4 và từ ngày 23-30/4 ở Tây Nam Bộ, nhiệt độ tối cao phổ biến 35-36°C.

Dông lốc: Có 15 trận dông lốc xảy ra trong mùa 3 tháng qua, trong đó, tháng 3/2026, có 5 trận dông lốc (3 trận kèm mưa đá), tháng 4/2026 có 10 trận (4 trận kèm mưa đá). Các trận dông lốc kèm mưa đá trong tháng 4/2026 chủ yếu xảy ra ở các tỉnh miền núi phía Bắc, các tỉnh từ Thanh Hoá đến Quảng Trị và Cao nguyên Trung Bộ.

Tình hình thiệt hại do thiên tai có nguồn gốc khí tượng thủy văn (KTTV)

Thiệt hại do thiên tai có nguồn gốc KTTV trong mùa 3 tháng 2-4 năm 2026 chủ yếu do dông lốc, mưa đá gây ra. Theo số liệu thống kê sơ bộ do Ban chỉ đạo quốc gia về phòng chống thiên tai (<https://phongchongthientai.mard.gov.vn>) công bố, có 8 người chết và mất tích; 22 người bị thương; hơn 16,9 nghìn ngôi nhà bị sập, tốc mái, hư hỏng; trên 7,7 nghìn ha lúa, hoa màu và cây ăn quả bị thiệt hại; gần 2,7 nghìn con gia súc, gia cầm bị chết và một số thiệt hại khác về cây lâm nghiệp, giao thông, công trình công cộng ...

Diễn biến của khí hậu mùa 3 tháng 2 - 4 năm 2026:

(1) Nhiệt độ

- Mùa 3 tháng 2-4 năm 2026: Trên hầu hết diện tích nước ta, NĐTB và NĐTTTB cao hơn TBNN từ 0,1 đến 3°C; NĐTCTB cao hơn TBNN khoảng 0,1 đến 3,5°C.
- Tháng 4/2026: Trên đại bộ phận diện tích lãnh thổ nước ta, NĐTB cao hơn TBNN từ 0,1 đến 3,5°C; NĐTCTB cao hơn TBNN khoảng 0,1 đến 4,5°C. NĐTTTB cao hơn TBNN phổ biến từ 0,1 đến 3°C.
- Cực trị nhiệt độ tháng 4/2026: Giá trị lớn nhất quan trắc được trong tháng 4/2026 là 41,9°C tại trạm Tây Hiếu vào ngày 7. Giá trị thấp nhất trong tháng 4/2026 là 8,8°C quan trắc được tại trạm Đà Lạt vào ngày 3.

(2) Lượng mưa

- Mùa 3 tháng 2-4 năm 2026: TLM thấp hơn TBNN ở phần lớn lãnh thổ nước ta, với tỷ chuẩn chủ yếu từ 50 đến dưới 100%; lượng mưa cao hơn TBNN trên khu vực từ TP. Huế đến Quảng Ngãi, với tỷ chuẩn phổ biến từ 100 đến 180%.
- Tháng 4/2026: TLM thấp hơn TBNN trên hầu khắp lãnh thổ nước ta, trong đó, phía Nam có tỷ chuẩn phổ biến dưới 50%. LMNLN phổ biến từ 1 đến 100 mm, với giá trị lớn nhất là 130 mm quan trắc được tại trạm Tĩnh Gia vào ngày 18.

(3) Hiện tượng thời tiết nguy hiểm

- Trong mùa 3 tháng 2-4 năm 2026, ghi nhận 6 đợt KKL, 1 đợt mưa lớn diện rộng, 5 đợt nắng nóng diện rộng và 15 trận dông, lốc, mưa đá trên lãnh thổ Việt Nam.

PHẦN II: DỰ BÁO KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 6, 7, 8 NĂM 2026

2.1. Dự báo xu thế ENSO và khí hậu khu vực châu Á

2.1.1. Dự báo xu thế ENSO

Bản tin của CPC (ngày 18/04/2026): Hiện tại, điều kiện khí quyển và đại dương cho thấy ENSO đang ở trạng thái trung tính. Dự báo xác suất ENSO cho mùa 3 tháng 6-8/2026: 92% chuyển sang trạng thái El Niño, và khả năng đạt cường độ mạnh đến rất mạnh trong các mùa tiếp theo.

Dự báo của IRI: Trên khu vực xích đạo Thái Bình Dương, SSTA phổ biến từ 0,25 đến 2,0°C ở phía Tây, từ 1,0 đến 3,0°C ở trung tâm và khu vực phía Đông. SSTA dao động từ 0,25 đến 1,0°C trên xích đạo Ấn Độ Dương. Tại Biển Đông, SSTA phổ biến từ 0,25 đến 1,0°C (Hình 2.1). Theo nhận định của IRI (ngày 19/05/2026), ENSO có xu thế chuyển sang trạng thái El Niño trong mùa 3 tháng 6-8/2026, với xác suất 98%; sau đó có khả năng tiếp tục duy trì đến hết năm 2026.

Dự báo của ECMWF: SSTA trong mùa 3 tháng 6-8/2026 tại khu vực NINO3.4 có giá trị phổ biến từ 1,0°C đến 3,0°C (Hình 2.2).

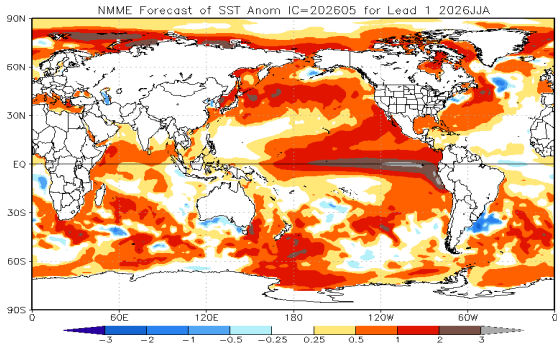
Cơ quan Khí tượng Úc (BOM) nhận định ENSO có khả năng chuyển sang trạng thái El Niño trong mùa 3 tháng 6-8/2026.

Hiện nay, các điều kiện khí quyển và đại dương cho thấy ENSO đang ở trạng thái trung tính. Dự báo ENSO có xu thế chuyển sang trạng thái El Niño trong mùa 3 tháng 6-8/2026, với xác suất trên 90% và khả năng đạt cường độ mạnh đến rất mạnh trong các mùa tiếp theo.

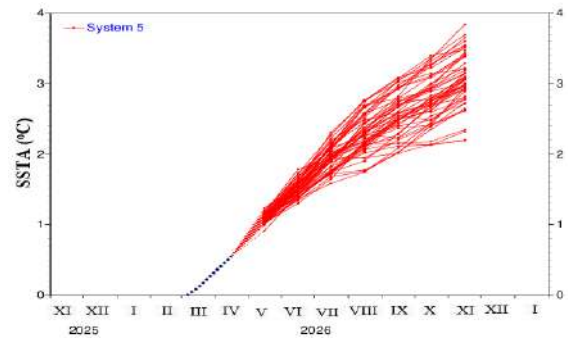
2.1.2. Dự báo khí hậu khu vực châu Á

Nhiệt độ: Theo dự báo của IRI, NĐTĐ mùa 3 tháng 6-8/2026 có xu thế cao hơn TBNN tại phần lớn khu vực châu Á, với xác suất từ 45 đến trên 77%; thấp hơn đến xấp xỉ TBNN cục bộ ở một số nơi thuộc Tây Á, Nam Á và một phần Đông Nam Á (Hình 2.3). Dự báo của ECMWF cho thấy NĐTĐ trên phần lớn khu vực Châu Á phổ biến cao hơn TBNN khoảng 0-2°C; riêng một phần khu vực Trung Á và phía tây Bắc Á có NĐTĐ thấp hơn TBNN từ 0-1°C (Hình 2.4).

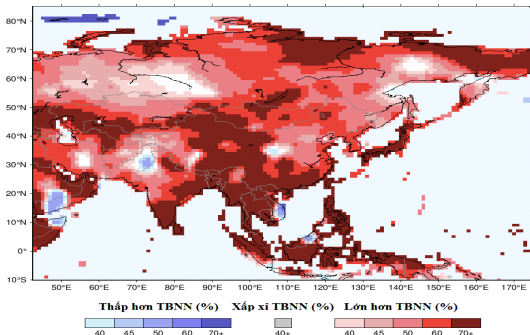
Lượng mưa: Theo dự báo của IRI, TLM mùa 3 tháng 6-8/2026 có xu thế phổ biến xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở Bắc Á (xác suất từ 40-60%); thấp hơn đến xấp xỉ TBNN ở Đông Á, Nam Á, Đông Nam Á (xác suất phổ biến từ 40-70%); và không có tín hiệu dự báo rõ ràng ở Trung Á, Tây Á (Hình 2.5). Theo dự báo của ECMWF, TLM có xu thế phổ biến xấp xỉ đến cao hơn TBNN khoảng 0-50 mm ở Bắc Á và Trung Á, riêng một phần Đông Nam Á lục địa cao hơn khoảng 100-200 mm; tuy nhiên, TLM có xu thế xấp xỉ đến thấp hơn TBNN khoảng 0-200 mm ở Tây Á, Đông Á, Nam Á và Đông Nam Á hải đảo (Hình 2.6).



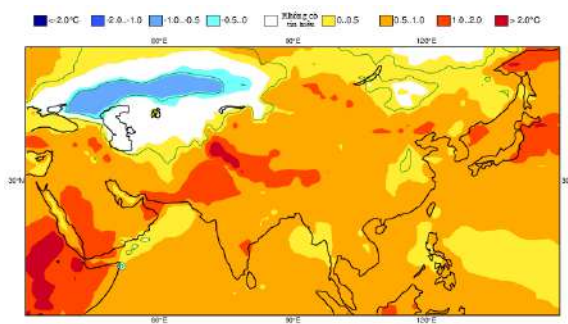
Hình 2.1. Dự báo SSTA mùa 3 tháng 6-8 năm 2026
(Nguồn: <http://iridl.ldeo.columbia.edu>)



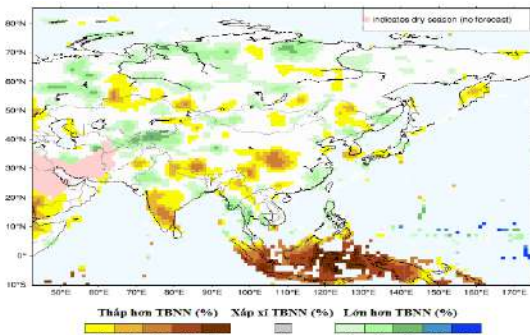
Hình 2.2. Dự báo SSTA tại khu vực NINO3.4 mùa 3 tháng 6-8 năm 2026
(Nguồn: <http://www.ecmwf.int>)



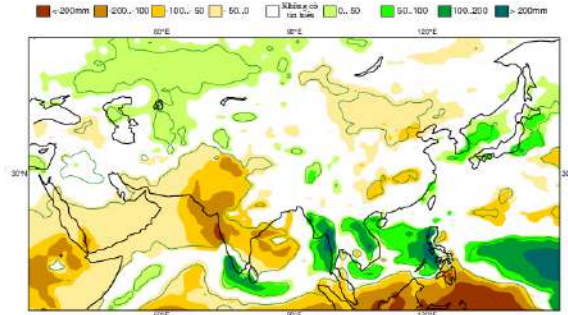
Hình 2.3. Dự báo xác suất nhiệt độ mùa 3 tháng 6-8 năm 2026 cho khu vực châu Á
(Nguồn: <http://iri.columbia.edu>)



Hình 2.4. Dự báo chuẩn sai nhiệt độ mùa 3 tháng 6-8 năm 2026
(Nguồn: <http://www.ecmwf.int>)



Hình 2.5. Dự báo xác suất lượng mưa mùa 3 tháng 6-8 năm 2026 cho khu vực châu Á
(Nguồn: <http://iri.columbia.edu>)



Hình 2.6. Dự báo chuẩn sai lượng mưa mùa 3 tháng 6-8 năm 2026
(Nguồn: <http://www.ecmwf.int>)

2.2. Dự báo khí hậu cho Việt Nam

2.2.1. Dự báo nhiệt độ

Theo dự báo của IRI, trong mùa 3 tháng 6-8/2026, NĐTĐ có khả năng cao hơn TBNN tại Bắc Bộ, khu vực Thanh Hóa đến TP. Huế và Nam Bộ, với xác suất từ 60 đến trên 70%; thấp hơn TBNN tại Duyên hải Nam Trung Bộ và Cao nguyên Trung Bộ, với xác suất khoảng 45-70% (Hình 2.3).

Theo dự báo của ECMWF, trong mùa 3 tháng 6-8/2026, NĐTĐ có xu thế cao hơn TBNN từ 0-1,0°C trên phạm vi cả nước (Hình 2.4).

Dự báo của các trung tâm khí tượng khác như NCEP, JMA, Met Office, BOM cũng cho thấy trong mùa 3 tháng 6-8/2026, nhiệt độ trung bình có xu thế cao hơn TBNN trên phạm vi cả nước. Tương tự, Météo-France cũng dự báo nhiệt độ có xu thế cao hơn TBNN trên phần lớn khu vực cả nước; riêng khu vực từ Thanh Hóa đến TP. Huế có xu thế xấp xỉ đến

cao hơn TBNN.

Theo mô hình thống kê của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển, NĐTĐ mùa 3 tháng 6-8/2026 có khả năng xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở hầu hết cả nước, với xác suất phổ biến từ 55% đến 100%; thấp hơn TBNN cục bộ ở một số nơi thuộc Bắc Bộ. Chuẩn sai nhiệt độ được dự báo phổ biến từ 0,5°C đến 1,5°C (Hình 2.7).

Nhận định: Nhiệt độ trung bình trong mùa 3 tháng 6-8/2026 có khả năng cao hơn TBNN trên hầu hết các khu vực cả nước.

2.2.2. Dự báo lượng mưa

Theo dự báo của IRI, trong mùa 3 tháng 6-8/2026 tại khu vực Việt Nam, TLM có khả năng xấp xỉ TBNN trên phần lớn diện tích cả nước (Hình 2.5). Tuy nhiên, theo kết quả dự báo của ECMWF, TLM trong mùa 3 tháng 6-8/2026 có xu thế xấp xỉ TBNN tại Bắc Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ và Nam Bộ; xấp xỉ đến cao hơn TBNN tại Cao nguyên Trung Bộ; cao hơn TBNN tại khu vực Thanh Hóa đến TP. Huế (Hình 2.6).

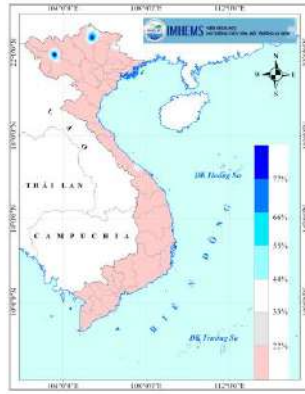
Dự báo mùa của các cơ quan NCEP, JMA, BOM, Met Office và Météo-France cho thấy trong mùa 3 tháng 6–8/2026, tín hiệu dự báo TLM giữa các mô hình chưa hoàn toàn đồng nhất. Ở Bắc Bộ và khu vực từ Thanh Hóa đến TP. Huế, phần lớn các mô hình cho thấy TLM có xu thế xấp xỉ đến cao hơn TBNN, riêng NCEP cho tín hiệu thấp hơn đến xấp xỉ TBNN tại khu vực từ Thanh Hóa đến TP. Huế.

Tại khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ, Met Office và Météo-France dự báo TLM phổ biến xấp xỉ TBNN; BOM và JMA cho xu thế thấp hơn đến xấp xỉ TBNN; trong khi NCEP dự báo TLM thấp hơn TBNN. Đối với khu vực Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ, phần lớn các mô hình dự báo TLM phổ biến xấp xỉ TBNN; riêng NCEP cho tín hiệu thấp hơn TBNN ở cả hai khu vực, trong khi BOM dự báo cao hơn TBNN tại Nam Bộ.

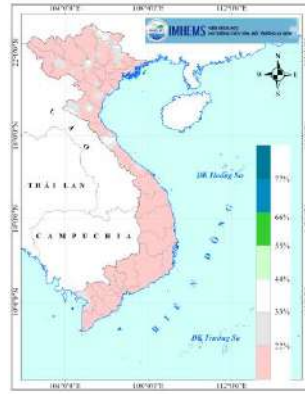
Theo mô hình thống kê của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển, TLM mùa 3 tháng 6–8/2026 có khả năng xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở khu vực Bắc Bộ đến Nghệ An, khu vực Nam Bộ và cục bộ ở một số nơi thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ, với xác suất phổ biến từ 35% đến xấp xỉ 100%. Khu vực từ Hà Tĩnh đến TP. Huế, phần lớn khu vực Cao nguyên Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ có xu thế xấp xỉ đến thấp hơn TBNN, với xác suất phổ biến từ 33% đến 99%. Chuẩn sai TLM mùa 3 tháng được dự báo phổ biến trong khoảng từ -200 mm đến 600 mm (Hình 2.8).

Dự báo xác suất nhiệt độ và lượng mưa mùa 3 tháng 6-8 năm 2026 tại một số điểm được thể hiện tại Bảng 3 phần Phụ lục.

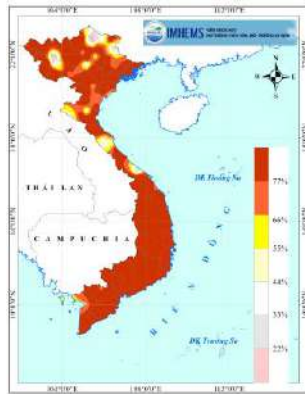
Nhận định: Trong mùa 3 tháng 6-8/2026, TLM có khả năng xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở Bắc Bộ và khu vực từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh; xấp xỉ đến thấp hơn TBNN ở khu vực Quảng Trị đến TP. Huế, Duyên hải Nam Trung Bộ, Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ.



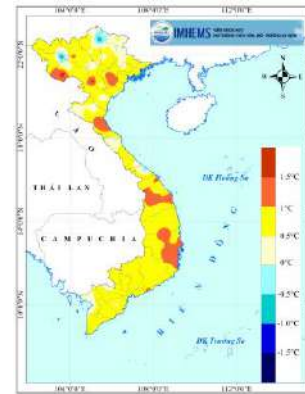
a) Xác suất thấp hơn TBNN (%)



b) Xác suất xấp xỉ TBNN (%)

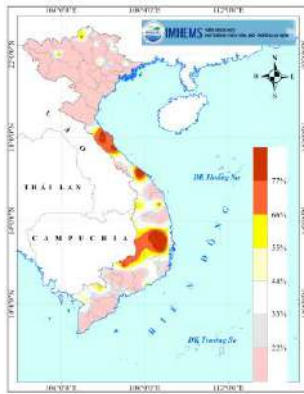


c) Xác suất cao hơn TBNN (%)

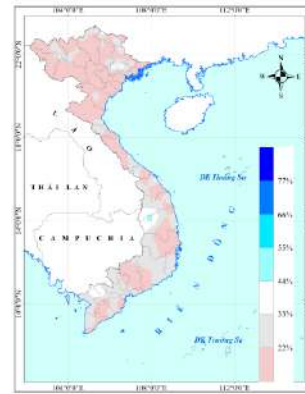


d) Chuẩn sai (°C)

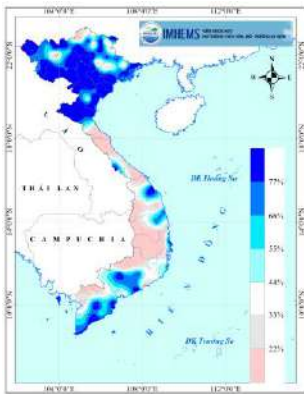
Hình 2.7. Dự báo xác suất (a,b,c) và chuẩn sai (d) nhiệt độ mùa 3 tháng 6-8 năm 2026



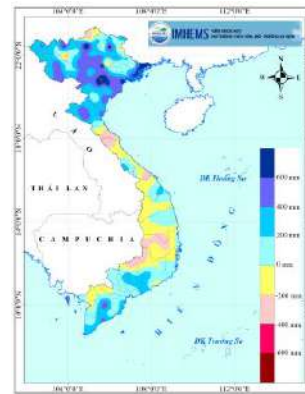
a) Xác suất thấp hơn TBNN (%)



b) Xác suất xấp xỉ TBNN (%)



c) Xác suất cao hơn TBNN (%)



d) Chuẩn sai (mm)

Hình 2.8. Dự báo xác suất (a, b, c) và chuẩn sai (d) lượng mưa mùa 3 tháng 6-8 năm 2026

2.2.3. Nhận định thời tiết nguy hiểm và khí hậu cực đoan

- Xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ):

Thời điểm bắt đầu mùa bão năm 2026 dự báo xấp xỉ TBNN. Số lượng XTNĐ hoạt động trên Biển Đông và ảnh hưởng đến Việt Nam trong năm 2026 có khả năng ở mức thấp hơn đến xấp xỉ TBNN (TBNN giai đoạn 1991-2020: 12-13 cơn trên Biển Đông, trong đó 6-7 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam).

Trong mùa 3 tháng 6-8/2026, số lượng XTNĐ hoạt động trên Biển Đông và ảnh hưởng đến Việt Nam có khả năng ở mức xấp xỉ TBNN (TBNN giai đoạn 1991-2020: 5 cơn trên Biển Đông, trong đó có 2 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam).

- Nắng nóng:

Trong mùa 3 tháng 6-8 năm 2026, nắng nóng có khả năng tiếp tục xuất hiện trên diện rộng tại các khu vực Bắc Bộ, Trung Bộ, với cường độ có thể gay gắt hơn TBNN và khả năng sẽ xuất hiện các kỷ lục cao về nhiệt độ.

- Điều kiện khô hạn:

Trong mùa 3 tháng 6-8 năm 2026, khô hạn chỉ xuất hiện cục bộ ở khu vực Trung Bộ. Trong bối cảnh ENSO được dự báo có xu thế chuyển sang trạng thái El Niño, sau đó tiếp tục phát triển và có khả năng đạt cường độ từ mạnh đến rất mạnh vào cuối năm 2026, do đó mùa khô 2026/2027 tại khu vực Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ có khả năng xảy ra tình trạng hạn hán nghiêm trọng trên diện rộng.

PHẦN III: NHẬN ĐỊNH KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 6, 7, 8 NĂM 2026

Một số nhận định chính về khí hậu mùa 3 tháng 6, 7, 8 năm 2026

Trên cơ sở phân tích diễn biến khí hậu và kết quả dự báo khí hậu (kết quả mô hình thống kê và động lực của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển, bản tin của các trung tâm dự báo khí hậu trên thế giới), một số nhận định khí hậu mùa 3 tháng 6-8 năm 2026 như sau:

1) Hoạt động của ENSO:

Hiện nay, các điều kiện khí quyển và đại dương cho thấy ENSO đang ở trạng thái trung tính. Dự báo ENSO có xu thế chuyển sang trạng thái El Niño trong mùa 3 tháng 6-8/2026, với xác suất trên 90% và khả năng đạt cường độ mạnh đến rất mạnh trong các mùa tiếp theo.

(2) Gió mùa:

Cường độ gió mùa mùa hè (GMMH) trong nửa đầu mùa (6-8) ở mức xấp xỉ TBNN, sau đó suy yếu và thấp hơn TBNN vào nửa cuối mùa.

(3) Nhiệt độ:

Trong mùa 3 tháng 6-8/2026, nhiệt độ có khả năng cao hơn TBNN trên hầu hết các khu vực cả nước.

(4) Lượng mưa:

Trong mùa 3 tháng 6-8/2026, TLM có khả năng xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở Bắc Bộ và khu vực từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh; xấp xỉ đến thấp hơn TBNN ở khu vực từ Quảng Trị đến TP.Huế, Duyên hải Nam Trung Bộ, Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ.

(5) Hiện tượng thời tiết và khí hậu cực đoan:

- *Xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ)*: Mùa bão năm 2026 có khả năng bắt đầu ở mức xấp xỉ TBNN. Số lượng XTNĐ hoạt động trên Biển Đông và ảnh hưởng đến Việt Nam trong năm 2026 có khả năng ở mức thấp hơn đến xấp xỉ TBNN (TBNN: 12-13 cơn trên Biển Đông, trong đó 6-7 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam).

Trong mùa 3 tháng 6-8/2026, số lượng XTNĐ hoạt động trên Biển Đông và ảnh hưởng đến Việt Nam có khả năng ở mức xấp xỉ TBNN (5 cơn trên Biển Đông và 2 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam).

- *Nắng nóng*: Trong mùa 3 tháng 6-8 năm 2026, nắng nóng có khả năng tiếp tục xuất hiện trên diện rộng tại các khu vực Bắc Bộ, Trung Bộ, với cường độ có thể gay gắt hơn TBNN và khả năng sẽ xuất hiện các kỷ lục cao về nhiệt độ.

- *Điều kiện khô hạn*: Trong mùa 3 tháng 6-8 năm 2026, khô hạn chỉ xuất hiện cục bộ ở khu vực Trung Bộ. Mùa khô 2026/2027 tại khu vực Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ có khả năng xảy ra tình trạng hạn hán nghiêm trọng trên diện rộng.

PHỤ LỤC

Bảng 1. Đặc trưng nhiệt độ tháng 4/2026 tại một số trạm quan trắc tiêu biểu

Trạm	Nhiệt độ trung bình (°C)		Nhiệt độ tối cao (°C)			Nhiệt độ tối thấp (°C)		
	NĐTB	CS	NĐTCTB	CS	NĐTCTĐ	NĐTTTB	CS	NĐTTTĐ
Điện Biên	25,4	1,4	33,0	2,1	36,4	20,7	1,0	17,1
Sơn La	24,8	1,2	31,1	1,3	35,2	20,1	0,9	17,0
Sa Pa	20,2	3,1	24,0	2,7	28,0	17,4	3,2	12,9
Bắc Quang	26,7	2,4	31,8	2,9	37,8	23,6	1,9	20,1
Lạng Sơn	25,2	2,6	30,0	3,1	35,0	22,0	2,4	17,9
Thái Nguyên	27,0	2,8	30,3	2,7	35,0	24,5	2,6	20,0
Láng	27,8	3,1	31,8	3,4	35,9	25,3	2,8	22,5
Bãi Cháy	26,1	2,3	28,5	2,0	30,6	24,4	2,4	19,5
Phù Lễn	25,7	2,3	29,6	2,7	33,1	23,6	2,2	19,6
Thanh Hoá	27,0	3,0	30,5	3,2	37,0	24,6	2,6	22,3
Vinh	28,1	3,2	32,8	4,1	40,5	25,2	2,6	22,1
Huế	28,4	2,4	34,9	3,6	39,8	24,4	1,7	21,8
Đà Nẵng	28,2	1,6	33,0	2,1	39,0	25,5	1,5	23,3
Quy Nhơn	27,9	0,0	31,2	-0,6	33,0	25,8	0,4	24,3
Nha Trang	27,6	-0,1	31,3	0,1	32,4	25,0	-0,1	23,0
Phan Thiết	28,6	0,1	32,4	0,1	34,5	25,8	0,1	23,6
Pleiku	25,2	0,7	32,1	0,8	34,5	20,9	1,1	17,6
B.M. Thuật	27,5	1,3	34,5	1,0	37,1	22,7	1,0	18,1
Đà Lạt	19,7	0,7	26,6	1,2	29,6	14,8	-0,1	8,8
Tân Sơn Hoà	30,3	0,5	35,3	0,1	37,0	27,5	0,8	26,0
Vũng Tàu	29,3	0,2	32,3	0,2	34,0	27,3	0,2	25,4
Rạch Giá	30,1	1,1	33,7	0,3	35,8	27,3	1,3	24,0
Cần Thơ	29,5	0,8	35,1	1,2	36,6	25,7	0,3	23,6
Cà Mau	30,0	1,0	34,1	0,4	35,5	27,7	1,8	26,6

(Chú thích: NĐTB: Nhiệt độ trung bình; CS: Chuẩn sai; NĐTCTB: Nhiệt độ tối cao trung bình; NĐTCTĐ: Nhiệt độ tối cao tuyệt đối; NĐTTTB: Nhiệt độ tối thấp trung bình; NĐTTTĐ: Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối).

Bảng 2. Đặc trưng lượng mưa tháng 4/2026 tại một số trạm quan trắc tiêu biểu

Trạm	Lượng mưa tháng		Số ngày mưa		LMNLN (mm)
	TLM (mm)	TC (%)	SNM (ngày)	CS (ngày)	
Điện Biên	84	72,1	10	-2,0	22
Sơn La	73	68,2	10	-1,8	22
Sa Pa	94	46,2	11	-6,9	36
Bắc Quang	174	76,0	14	-4,0	61
Lạng Sơn	77	103,8	8	-3,6	37
Thái Nguyên	82	91,3	8	-7,6	37
Láng	61	82,1	11	-2,1	31
Bãi Cháy	163	222,2	5	-6,2	112
Phù Lễn	94	151,6	8	-3,8	67
Thanh Hoá	79	122,4	7	-3,6	36
Vinh	81	136,7	10	-1,1	37
Huế	42	57,4	6	-3,1	30
Đà Nẵng	0	0,0	0	-5,3	0
Quy Nhơn	2	4,8	2	-2,4	2
Nha Trang	0	0,0	0	-4,7	0
Phan Thiết	1	3,5	1	-2,2	1
Pleiku	55	63,7	7	-1,1	30
B.M. Thuật	28	32,7	2	-5,5	25
Đà Lạt	73	41,8	11	-3,4	16
Tân Sơn Hoà	0	0,0	0	-4,0	0
Vũng Tàu	0	0,0	0	-4,0	0
Rạch Giá	36	42,0	1	-6,4	36
Cần Thơ	1	2,2	1	-4,4	1
Cà Mau	0	0,0	0	-7,1	0

(Chú thích: TLM: Tổng lượng mưa; TC: Tỷ chuẩn; SNM: Số ngày mưa; CS: Chuẩn sai; LMNLN: Lượng mưa ngày lớn nhất).

Bảng 3. Dự báo xác suất nhiệt độ và lượng mưa mùa 3 tháng 6-8 năm 2026

STT	Trạm	Nhiệt độ				Lượng mưa			
		PV1(*) (°C)	XSHC (%)	PV2 (°C)	X SVC (%)	PV1 (mm)	XSHC (%)	PV2 (mm)	X SVC (%)
<i>Tây Bắc Bộ</i>									
1	Mường Tè	26,3	1,0	26,6	87,5	1319,7	2,9	1605,3	81,6
2	Sìn Hồ	20,0	0,0	20,3	100,0	1405,6	5,6	1629,2	73,6
3	Lai Châu	26,5	0,7	26,9	90,5	1173,6	8,3	1410,4	70,0
4	Điện Biên	25,9	0,1	26,3	96,5	794,7	9,1	1034,6	68,3
5	Tuần Giáo	25,4	0,1	25,7	97,5	745,1	0,2	1002,8	96,8
6	Sơn La	25,0	8,1	25,4	59,5	686,3	1,2	838,5	84,5
7	Quỳnh Nhai	27,1	98,6	27,4	0,0	904,3	20,9	1062,2	42,8
8	Sông Mã	26,1	0,0	26,7	99,5	585,6	0,0	739,7	99,7
9	Yên Châu	27,0	7,5	27,4	65,5	640,4	0,1	732,5	97,9
10	Mộc Châu	23,0	1,4	23,4	83,4	752,8	0,0	897,6	99,1
11	Sa Pa	19,6	0,3	19,8	94,1	1248,7	0,0	1401,7	99,4
12	Hòa Bình	28,5	0,1	28,8	94,9	798,7	1,1	1046,3	92,1
<i>Đông Bắc Bộ</i>									
1	Hà Giang	27,7	0,3	28,1	92,9	1249,3	75,2	1563,7	7,0
2	Bắc Quang	27,8	0,1	28,1	95,5	2228,7	3,3	2853,1	82,5
3	Cao Bằng	27,0	0,3	27,4	91,0	703,8	39,7	860,4	21,1
4	Lạng Sơn	26,8	6,7	27,2	72,2	558,5	3,2	702,4	81,9
5	Tuyên Quang	28,4	0,3	28,9	93,4	744,4	0,1	847,6	96,7
6	Thái Nguyên	28,5	0,2	28,9	93,1	933,8	66,7	1079,9	7,5
7	Yên Bái	28,0	2,1	28,4	80,5	762,4	0,0	1027,0	98,7
8	Móng Cái	28,0	2,7	28,6	68,6	1435,2	0,1	1693,1	97,4
9	Vĩnh Yên	28,9	0,9	29,4	86,0	794,7	0,9	891,7	93,4
10	Việt Trì	28,6	0,0	29,1	98,4	690,9	2,2	866,5	90,6
11	Bắc Giang	28,8	0,2	29,1	95,0	711,7	23,8	897,6	43,0
12	Hải Dương	28,8	0,0	29,2	99,0	655,0	0,1	829,7	98,1
13	Phù Lãng	28,0	0,6	28,4	90,9	708,3	0,0	866,1	99,4
14	Nam Định	29,1	0,2	29,4	95,4	636,3	0,5	771,3	96,0
15	Thái Bình	28,7	1,4	29,1	85,9	622,4	0,7	713,2	95,0
16	Ninh Bình	28,8	0,6	29,2	89,8	697,8	4,1	877,9	82,1
<i>Thanh Hóa đến TP, Huế</i>									
1	Thanh Hóa	28,8	3,1	29,2	76,7	590,4	0,4	657,4	96,3
2	Bái Thượng	28,2	3,1	28,6	74,7	798,8	28,4	891,5	38,3
3	Vinh	29,5	0,1	30,0	96,8	421,9	25,2	548,9	42,8
4	Tương Dương	28,0	19,2	28,4	33,8	537,9	3,9	633,9	80,3
5	Hà Tĩnh	29,5	0,2	30,0	95,7	377,3	75,9	552,1	6,1
6	Tuyên Hoá	28,7	21,9	29,1	39,5	483,3	82,8	638,8	2,7
7	Đông Hới	29,4	1,0	29,9	88,7	251,4	90,0	348,1	1,2
8	Đông Hà	29,2	4,7	29,6	73,8	242,7	50,0	393,9	16,9
9	Huế	28,7	50,5	29,0	16,4	230,7	80,7	396,8	2,6
10	A Lưới	24,9	0,2	25,2	94,7	531,5	19,5	641,3	44,8
<i>Duyên hải Nam Trung Bộ</i>									
1	Đà Nẵng	29,1	0,0	29,4	99,5	277,7	46,6	370,5	13,9
2	Tam Kỳ	28,8	6,5	29,1	65,7	233,9	0,7	352,1	92,3
3	Trà My	27,0	0,0	27,3	99,4	464,8	1,7	697,3	82,5
4	Quảng Ngãi	28,8	0,0	29,2	99,8	220,9	12,7	344,2	54,2
5	Ba Tơ	28,0	0,1	28,4	96,3	408,4	78,6	518,2	3,2
6	Quy Nhơn	29,9	0,3	30,3	96,1	152,6	51,0	220,9	13,9
7	Tuy Hoà	29,0	0,0	29,4	99,2	132,7	0,7	180,1	94,5
8	Sơn Hoà	28,3	0,5	28,7	91,9	263,2	93,0	331,6	0,6
9	Nha Trang	28,5	0,0	29,0	98,5	117,6	34,9	180,7	31,8
10	Trường Sa	28,2	0,0	28,6	99,8	616,5	11,9	781,6	64,3
<i>Cao nguyên Trung Bộ</i>									
1	Kon Tum	24,6	0,0	25,0	99,9	848,0	17,1	980,9	37,8
2	Đắk Tô	23,6	1,6	24,0	87,9	799,5	64,9	1053,8	5,2

Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển

STT	Trạm	Nhiệt độ				Lượng mưa			
		PV1(*) (°C)	XSHC (%)	PV2 (°C)	XSVC (%)	PV1 (mm)	XSHC (%)	PV2 (mm)	XSVC (%)
3	Pleiku	22,6	0,0	23,0	98,2	1046,1	28,4	1308,5	26,3
4	Ayunpa	27,2	0,0	27,6	100,0	364,8	99,2	443,7	0,0
5	M'Drak	25,9	0,0	26,2	99,5	309,4	96,6	438,3	0,1
6	Đắk Nông	23,2	0,0	23,6	98,5	1044,6	62,8	1278,0	6,8
7	Đà Lạt	18,7	0,0	19,0	99,8	611,2	23,5	708,6	48,7
8	Liên Khương	21,8	3,2	22,3	77,5	474,1	40,5	613,1	26,9
9	Bảo Lộc	22,2	1,1	22,6	82,6	1097,8	1,8	1289,7	81,1
<i>Nam Bộ</i>									
1	Phan Thiết	27,4	0,0	27,7	99,0	465,7	66,1	571,9	7,6
2	Phước Long	25,9	0,0	26,3	99,9	1132,5	78,9	1341,5	3,3
3	Vũng Tàu	28,0	0,0	28,3	99,3	628,4	47,6	744,2	20,0
4	Mỹ Tho	27,1	0,0	27,4	100,0	566,0	20,4	655,5	46,0
5	Cần Thơ	27,0	0,0	27,3	99,8	595,9	0,1	763,3	99,2
6	Rạch Giá	27,9	7,4	28,1	61,6	898,6	59,1	1093,7	13,2
7	Phủ Quốc	27,7	2,8	28,1	55,7	1049,0	0,9	1446,3	92,0
8	Sóc Trăng	26,9	0,1	27,3	96,5	718,2	13,7	893,2	52,5
9	Cà Mau	27,5	0,0	27,8	99,0	928,4	10,4	1074,5	60,1

(*) PV1 - Phân vị thứ nhất (trị số ứng với xác suất tích lũy 33 %)

PV2 - Phân vị thứ hai (trị số ứng với xác suất tích lũy 67 %)

XSHC - Xác suất thấp hơn TBNN (xác suất để nhiệt độ và lượng mưa nhỏ hơn PV1)

XSVC - Xác suất cao hơn TBNN (xác suất để nhiệt độ và lượng mưa lớn hơn PV2)

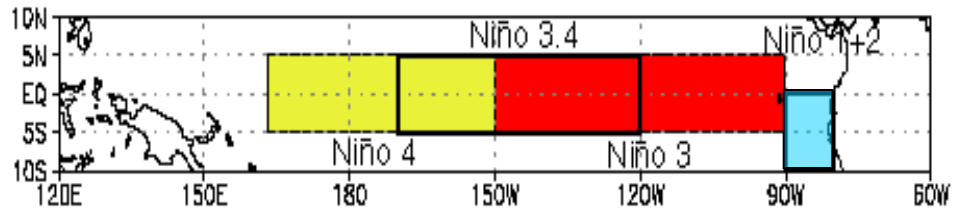
MỘT SỐ KHÁI NIỆM VỀ ENSO

El Nino: El Nino là khái niệm dùng để chỉ hiện tượng nóng lên không bình thường của lớp nước mặt thuộc vùng biển phía đông xích đạo Thái Bình Dương (TBD) kéo dài từ 3 mùa trở lên, El Nino còn được gọi là "pha nóng".

La Nina: Ngược với El Nino, La Nina là khái niệm dùng để chỉ hiện tượng lạnh đi không bình thường của lớp nước mặt thuộc vùng biển phía đông xích đạo TBD kéo dài từ 3 mùa trở lên, La Nina còn được gọi là "pha lạnh".

Trạng thái trung gian: Khi nhiệt độ mặt nước biển ở trạng thái nằm giữa "pha nóng" và "pha lạnh" được gọi là trạng thái trung gian.

Xích đạo TBD là khu vực nằm trong khoảng 20°N - 20°S, 100°E - 60°W.



Để xác định các hiện tượng El Nino/La Nina người ta thường dùng trị số chuẩn sai của nhiệt độ mặt nước biển của 4 khu vực NINO1+2, NINO3, NINO4, NINO3,4 thuộc xích đạo TBD. Vị trí của 4 khu vực này được nêu ở hình trên.

Dao động Nam (SO): SO là khái niệm dùng để chỉ hiện tượng dao động của chênh lệch khí áp giữa tây và trung tâm xích đạo TBD.

Chỉ số Dao động Nam (SOI): SOI được xác định thông qua chênh lệch khí áp mặt biển giữa 2 trạm Tahiti và Darwin.

ENSO: Do 2 hiện tượng El Nino/La Nina (đại dương) và SO (khí quyển) xảy ra trên xích đạo TBD có quan hệ mật thiết với nhau nên chúng được liên kết lại thành một hiện tượng kép, gọi tắt là ENSO./.